

Vietnam Daily Review

Tiến về quanh 920 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/10/2020		•	
Tuần 5/10-9/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường phiên hôm nay tiếp tục duy trì sự tích cực khi VNIndex tăng dần trong suốt thời gian giao dịch và đã có lúc vượt lên trên ngưỡng 920 điểm. Dòng tiền đầu tư tiếp tục suy giảm khi chỉ còn 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường vẫn ở trạng thái cân bằng cho thấy các nhà giao dịch vẫn đang khá thận trọng dù chỉ số tăng điểm. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex nhiều khả năng sẽ dao động quanh 920 điểm trong hai phiên cuối tuần khi mà lực cầu hiện tại chưa đủ vững vàng để có được sự bứt phá.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2010, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Hàng tiêu dùng_1.7%**

Phân tích kỹ thuật: GAS_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.05** điểm, đóng cửa **919.72**. HNX-Index **-1.64** điểm, đóng cửa **136.13**.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.23)**; **MSN (+1.13)**; **VCB (+0.96)**; **VHM (+0.76)**; **VIC (+0.48)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.37)**; **TCB (-0.34)**; **VPB (-0.24)**; **STB (-0.17)**; **MBB (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,879** tỷ đồng, **+7.86%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 10.88 điểm. Thị trường có **187** mã tăng, 65 mã tham chiếu và **217** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-193.04** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-100.4 tỷ)**, **HSG (-31.4 tỷ)** và **CII (-26.4 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.67** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **919.72**
Giá trị: 7879.22 tỷ **4.05 (0.44%)**
Khối ngoại (ròng): -193.04 tỷ

HNX-INDEX **136.13**
Giá trị: 737.04 tỷ **-1.64 (-1.19%)**
Khối ngoại (ròng): -1.67 tỷ

UPCOM-INDEX **63.95**
Giá trị: 0.74 tỷ **0.04 (0.06%)**
Khối ngoại (ròng): -69.12 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	39.9	-1.79%
Giá vàng	1,890	0.64%
Tỷ giá USD/VND	23,199	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,231	-0.49%
Tỷ giá JPY/VND	21,894	-0.35%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	25.17%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	21.0	VNM	-100.4
MSN	14.9	HSG	-31.4
DXG	13.5	CII	-26.4
VHM	11.0	E1VFN30	-24.9
VPB	9.0	CTG	-18.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục	
Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	4/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Hàng tiêu dùng	1.7%	2.9%	2.7%	2.7%	21.4%	11.4%	29.8%
Stay-at-home	1.1%	1.1%	0.4%	0.4%	21.5%	27.1%	34.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.7%	1.4%	2.0%	2.0%	11.5%	-3.5%	25.5%
Cổ phiếu ngành Dược	0.4%	0.3%	0.4%	0.4%	14.7%	5.1%	21.9%
FTSE Việt Nam	0.4%	0.5%	1.0%	1.0%	10.3%	-1.5%	25.6%
Chiến tranh thương mại	0.2%	4.6%	4.4%	4.4%	28.3%	11.0%	31.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	1.9%	1.4%	1.4%	20.6%	23.3%	21.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	2.1%	2.3%	2.3%	19.5%	6.2%	27.8%
Lãi suất giảm	0.0%	2.5%	3.0%	3.0%	27.0%	23.1%	32.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	1.7%	1.9%	1.9%	17.7%	-5.5%	32.8%
Nước & Năng lượng	-0.2%	0.9%	1.8%	1.8%	18.0%	6.2%	26.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	1.3%	4.4%	4.4%	22.8%	15.3%	30.8%
EVFTA	-0.5%	2.1%	2.2%	2.2%	3.3%	3.3%	17.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	1.5%	2.1%	2.1%	20.2%	1.7%	30.5%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.5%	2.9%	2.8%	2.8%	18.5%	4.8%	25.4%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.7%	2.8%	2.1%	2.1%	23.0%	23.9%	30.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	1.4%	1.3%	1.3%	16.9%	2.5%	28.6%
Corona Avengers	-0.8%	0.9%	2.8%	2.8%	20.1%	15.7%	35.4%
VN Diamond	-0.8%	0.5%	1.0%	1.0%	16.3%	-4.3%	31.5%
Ngân Hàng	-1.0%	2.3%	3.7%	3.7%	25.4%	14.5%	34.0%
Dầu khí	-1.1%	1.6%	2.4%	2.4%	15.2%	-11.9%	39.7%
VN FinSelect	-1.2%	0.4%	1.0%	1.0%	14.3%	1.9%	30.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.2%	0.4%	0.6%	0.6%	14.5%	1.9%	32.0%
Đầu tư công	-1.4%	1.0%	2.5%	2.5%	28.1%	20.8%	26.8%
Xây dựng	-1.9%	1.2%	2.9%	2.9%	26.2%	16.7%	31.2%
Vật liệu Xây dựng	-2.3%	0.7%	2.4%	2.4%	22.9%	20.0%	29.1%

Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	0.5%	1.6%	2.0%	2.0%	21.1%	5.2%	31.2%
L11	0.2%	1.0%	1.2%	1.2%	16.8%	3.6%	25.1%
L22	0.1%	1.2%	1.1%	1.1%	20.9%	2.6%	28.5%
M22	0.1%	1.1%	1.5%	1.5%	15.4%	9.4%	26.5%
M12	0.1%	0.9%	1.2%	1.2%	13.2%	0.9%	26.2%
S11	0.0%	1.7%	1.8%	1.8%	19.5%	18.7%	26.5%
S32	0.0%	2.1%	3.4%	3.4%	20.6%	-2.3%	34.4%
S21	-0.2%	1.9%	2.1%	2.1%	23.6%	6.8%	28.4%
L32	-0.6%	1.6%	2.6%	2.6%	17.6%	-5.1%	31.4%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.1%	0.9%	1.4%	1.4%	17.3%	1.7%	29.1%
LOW1	-0.2%	1.8%	1.6%	1.6%	13.3%	1.7%	26.3%
MID1	-0.2%	0.7%	0.9%	0.9%	21.1%	16.9%	26.3%

INDEX							
VNINDEX	0.4%	1.1%	1.6%	1.6%	11.5%	-4.3%	25.0%
VN30INDEX	-0.1%	1.1%	1.4%	1.4%	13.0%	-0.9%	26.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	4	22	16	10	18	8
Mục tiêu	9	1	8	7	2	5	4
Rủi ro	3	0	3	1	2	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

Vũ Quốc Khánhhttps://invest.bsc.com.vn/#/loginkhanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 07/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.78	-2.19%	-1.10%	-0.90%	-21.37%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.87	-1.83%	-1.00%	-1.60%	-26.09%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	121.21	-1.86%	2.60%	5.00%	-16.02%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1881.09	0.15%	-0.30%	-2.70%	26.72%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.41	1.49%	0.80%	-12.70%	33.31%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1040.25	-0.36%	1.60%	7.50%	7.52%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	591.00	-0.30%	2.20%	7.40%	10.00%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.54	-0.44%	6.60%	8.30%	18.32%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	177.63	-1.05%	1.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.88	1.98%	3.40%	8.90%	2.06%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.65	0.42%	-1.70%	-17.90%	-2.23%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6530.00	0.02%	-0.70%	-2.70%	15.06%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	523.19	1.31%	0.90%	-4.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1765.00	-0.62%	-1.00%	-1.20%	0.77%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	116.62	3.17%	3.90%	-5.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	64.40	0.78%	-0.20%	19.30%	-17.44%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 1.36 USD (3.29%) lên 42.65 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 1.45 USD (3.7%) lên 40.67 USD/thùng.
- Giá dầu tăng hơn 2% trong phiên vừa qua do nguồn cung dầu thô Mỹ dự kiến bị gián đoạn bởi bão lớn đang tiến đến gần Vịnh Mexico và công nhân các mỏ dầu của Nauiy vẫn đình công đòi tăng lương.
- Tuy nhiên, về cuối phiên, giá dầu hạ nhiệt nhanh sau khi ông Trump quyết định tạm dừng đàm phán với đảng Dân Chủ về gói kích thích kinh tế bổ sung, cho tới sau cuộc bầu cử (ngày 3/11).

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.4% xuống 1,886.01 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 1.6% xuống 1,890.20 USD/ounce. Đồng USD đang mạnh lên, cộng thêm sự thất vọng về gói kích thích kinh tế mới của Mỹ khiến giá vàng không giữ được mốc 1,900 USD/ounce.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka tăng 2.6 JPY (1.4%) lên 189.6 JPY (1.8 USD)/kg. Giá cao su tại Nhật Bản tăng lên mức cao nhất 1 tuần sau do ông Trump xuất viện tạo tâm lý lạc quan cho nhà đầu tư.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 tăng 0.45 US cent (0.4%) lên 1.0765 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 mất 13 USD (1.0%) xuống 1,255 USD/tấn. Đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ hoa cà phê đậu quả ở Brazil chỉ đạt 40%.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 0.27 US cent (2%) lên 13.88 US cent/lb, cao nhất kể từ 2/3/2020. Đường trắng kỳ hạn tháng 12 tăng 5.70 USD, tương đương 1.5%, lên 378.90 USD/tấn. Thời tiết khô hạn ở Brazil có thể làm giảm sản lượng đường trong giai đoạn cuối của niên vụ hiện tại, đồng thời ảnh hưởng đến cả sản lượng trong niên vụ 2021. Điều này xảy ra giữa bối cảnh Thái Lan, Nga và Liên minh châu Âu cũng gặp những vấn đề về thời tiết có thể dẫn tới giảm lượng dư cung đường toàn cầu trong niên vụ 2020/21.

	7/10	% 7/10	6/10	% 6/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	919.72	0.44%	915.67	0.11%	1.60%	3.54%
S&P 500			3360.95	-1.40%	0.76%	-2.72%
HĐTL S&P500	3368.50	0.45%	3353.25	-1.17%	0.49%	-1.14%
Shang- hai	3218.05	-0.20%	3224.36	0.21%	-1.88%	-5.23%
Euro Stoxx	3232.20	-0.03%	3233.30	0.41%	1.21%	-2.47%

Phân tích kỹ thuật

GAS_Tín hiệu tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
 - Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
 - Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: GAS vẫn đang ở trong trạng thái đi ngang tích lũy tại khu vực 72-76 trong hơn 1 tháng trở lại đây. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có trạng thái tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang nghiêng về chiều hướng tích cực. Đường MACD vừa cắt lên trên đường tín hiệu nên đây có thể là tín hiệu khởi đầu cho một giai đoạn tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của GAS nằm tại xung quanh giá 73.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 84, cắt lỗ nếu ngưỡng 71 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

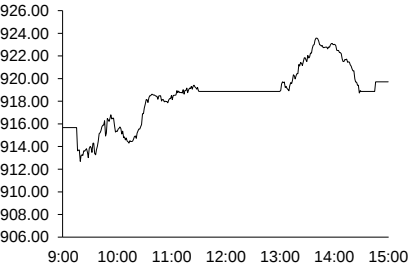
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-1.10%
Ô tô và phụ tùng	-0.99%
Hóa chất	-0.92%
Dầu khí	-0.79%
Xây dựng và Vật liệu	-0.62%
Dịch vụ tài chính	-0.44%
Ngân hàng	-0.33%
Du lịch và Giải trí	-0.31%
Y tế	-0.14%
Công nghệ Thông tin	-0.08%
Viễn thông	0.00%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.14%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.29%
Truyền thông	0.31%
Bất động sản	0.57%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.12%
Bảo hiểm	1.68%
Thực phẩm và đồ uống	2.06%
Bán lẻ	2.15%

Hình 1

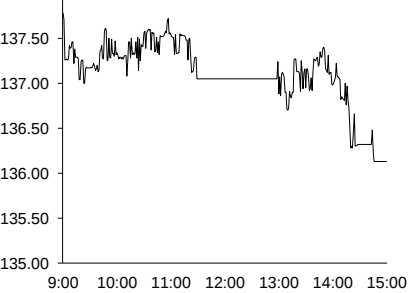
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

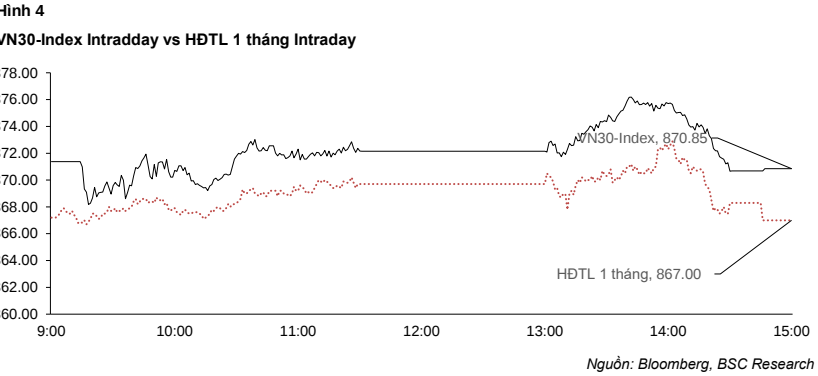
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	61.9	1	6.72%	Có thể tiếp tục mua
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	11.4	2	4.11%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	36.55	5	1.11%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	16.55	6	4.75%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	108	8	-1.10%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.5	9	1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.6	12	2.20%	Có thể tiếp tục mua
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	83.4	13	2.84%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	12	15	4.80%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.8	16	6.86%	Có thể tiếp tục mua
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	6	19	-1.64%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	56.2	20	5.44%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	30	23	7.33%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25.7	26	6.64%	Có thể tiếp tục mua
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	24.5	27	2.94%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	20.1	29	6.35%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.5	34	7.14%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	104	37	0.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23.75	40	0.64%	Có thể tiếp tục mua
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26.25	41	3.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	44.4	58	0.00%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	14.5	98	13.28%	Cần nhắc không mua thêm (**)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	34.75	105	13.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76.8	113	2.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	TP	20	12.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	TP	23	11.53%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/4/2020	VCS	67	76	60	TP	27	13.43%
9/1/2020	VGTT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	TP	29	17.58%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	22	2	4.75%	-1.37%	4.24%	32
Cổ phiếu đã chốt	39	23	12.40%	-9.09%	4.43%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	867.00	-0.08%	-3.85	-9.1%	109,263	10/15/2020	10
VN30F2011	866.60	0.07%	-4.25	-8.5%	788	11/19/2020	45
VN30F2012	862.60	0.07%	-8.25	-65.7%	93	12/17/2020	73
VN30F2103	862.20	0.03%	-8.65	186.5%	255	3/18/2021	164

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ 0.52 điểm, xuống mức 870.85 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, MWG, TCB, STB tác động mạnh đến vận động tích lũy của của VN30. VN30 tăng tích cực trong phần lớn thời gian giao dịch, trước khi điều chỉnh giảm mạnh cuối phiên chiều. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể vận động tăng lên 890 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2010, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2011, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2005	10/29/2020	22	5:1	1,314,730	33.19%	2,100	740	64.44%	637	1.16	70,500	60,000	61,900
CMSN2008	11/20/2020	44	5:1	290,410	33.19%	1,530	2,250	33.93%	1,950	1.15	60,650	53,000	61,900
CSBT2007	4/27/2021	202	2:1	614,160	41.87%	1,700	1,500	11.94%	1,254	1.20	19,399	15,999	16,550
CMWG2008	10/29/2020	22	10:1	288,520	42.12%	1,300	2,280	7.55%	2,288	1.00	98,000	85,000	107,600
CHPG2012	1/18/2021	103	1:1	62,200	38.35%	6,100	9,100	3.88%	3,113	2.92	32,600	26,500	27,800
CVNM2009	11/20/2020	44	8:1	180,380	33.84%	1,810	2,850	3.64%	687	4.15	102,436	87,780	108,000
CVNM2004	11/30/2020	54	1:1	75,220	33.84%	17,500	18,270	2.12%	2,363	7.73	113,048	95,548	108,000
CHPG2014	4/19/2021	194	1:1	49,140	38.35%	7,200	9,670	-1.33%	4,063	2.38	33,700	26,500	27,800
CFPT2003	11/9/2020	33	1:1	48,410	33.04%	7,300	11,000	-2.91%	2,307	4.77	57,300	50,000	50,400
CHPG2009	10/29/2020	22	2:1	82,300	38.35%	1,600	5,790	-3.18%	2,687	2.16	25,700	22,500	27,800
CVRE2007	4/5/2021	180	5:1	1,162,820	44.60%	1,520	490	-3.92%	368	1.33	40,933	33,333	27,800
CHPG2019	12/18/2020	72	2:1	389,610	38.35%	1,630	2,420	-3.97%	2,185	1.11	27,360	24,100	27,800
CHPG2008	11/30/2020	54	1:1	194,620	38.35%	4,100	6,680	-4.43%	1,633	4.09	32,100	28,000	27,800
CTCB2006	10/29/2020	22	2:1	276,450	38.84%	1,200	2,060	-4.63%	1,933	1.07	20,400	18,000	21,800
CHPG2016	1/14/2021	99	2:1	186,000	38.35%	2,200	3,880	-5.37%	1,263	3.07	31,900	27,500	27,800
CHPG2018	5/14/2021	219	4:1	799,730	38.35%	1,200	1,040	-5.45%	682	1.53	34,799	29,999	27,800
CHPG2002	12/16/2020	70	2:1	213,410	38.35%	1,700	2,750	-5.50%	556	4.94	33,399	29,999	27,800
CSTB2009	12/18/2020	72	1:1	156,760	45.70%	1,650	3,450	-6.76%	3,048	1.13	12,550	10,900	13,700
CSTB2004	11/30/2020	54	10:1	157,900	45.70%	1,400	2,990	-11.54%	2,877	1.04	12,400	11,000	13,700
CSTB2008	11/20/2020	44	1:1	151,930	45.70%	1,500	3,750	-11.76%	3,579	1.05	11,700	10,200	13,700
Tổng				6,542,770	38.56%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 7/10/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch duy trì tại mức cao.

- CMSN2008 và CMSN2006 tăng mạnh lần lượt là 33.93% và 26.00% Trái lại, CSTB2005 và CHPG2017 giảm mạnh lần lượt là -24.29% và -19.17%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -2.11%. CVNM2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.93% thị trường.
- CMWG2006, CMWG2009, CVPB2006, CVRE2005, và CREE2004 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CDPM2002, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CMWG2011 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	107.6	2.3%	1.3	2,118	4.5	8,348	12.9	3.4	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	61.1	0.0%	1.3	598	1.7	4,629	13.2	2.9	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	49.9	2.5%	1.4	1,609	3.2	1,625	30.7	1.9	28.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.9	0.3%	0.3	291	0.0	2,651	11.3	0.9	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	92.5	0.8%	0.8	13,603	1.5	2,336	39.6	3.7	13.8%	9.5%
VRE	Bất động sản	27.8	1.1%	1.1	2,747	3.9	1,057	26.3	2.3	30.7%	8.9%
VHM	Bất động sản	76.8	0.9%	1.3	10,984	8.7	6,686	11.5	3.7	22.0%	36.5%
DXG	Bất động sản	11.4	0.0%	1.4	257	3.3	658	17.3	0.9	34.3%	2.9%
SSI	Chứng khoán	17.9	-1.7%	1.3	466	4.5	1,718	10.4	1.1	50.0%	10.7%
VCI	Chứng khoán	31.7	-1.1%	1.0	228	1.2	4,110	7.7	1.4	28.3%	18.7%
HCM	Chứng khoán	21.8	-0.9%	1.7	289	3.1	1,608	13.6	1.5	49.0%	11.5%
FPT	Công nghệ	50.4	-0.2%	0.8	1,718	3.3	4,280	11.8	2.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	48.6	0.0%	0.4	578	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	74.1	2.2%	1.4	6,166	7.4	5,169	14.3	2.7	3.1%	20.5%
PLX	Dầu khí	49.9	-0.6%	1.5	2,644	1.1	867	57.5	3.0	16.1%	5.1%
PVS	Dầu khí	14.0	-1.4%	1.5	291	3.3	1,339	10.5	0.5	10.0%	5.2%
BSR	Dầu khí	7.2	-1.4%	0.8	971	0.6	898	8.0	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	105.0	0.2%	0.5	597	0.0	5,044	20.8	4.3	54.8%	21.2%
DPM	Hóa chất	17.1	-0.6%	0.4	290	1.8	1,700	10.0	0.8	12.3%	8.9%
DCM	Hóa chất	11.7	-2.5%	0.5	269	1.3	709	16.5	1.0	2.4%	5.8%
VCB	Ngân hàng	85.0	1.3%	1.1	13,707	3.6	4,915	17.3	3.5	23.6%	22.0%
BID	Ngân hàng	40.5	0.0%	1.3	7,074	2.1	2,132	19.0	2.1	17.5%	12.3%
CTG	Ngân hàng	27.0	-0.7%	1.2	4,371	9.9	2,995	9.0	1.2	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	23.8	-1.7%	1.2	2,517	6.5	4,126	5.8	1.2	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	17.6	-1.4%	1.0	2,122	5.6	3,041	5.8	1.1	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	23.4	-2.5%	0.9	2,199	18.2	2,884	8.1	1.6	39.0%	22.6%
BMP	Nhựa	57.4	-2.0%	0.9	204	0.9	5,781	9.9	1.9	82.1%	19.5%
NTP	Nhựa	33.5	0.0%	0.4	172	0.0	3,348	10.0	1.6	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	16.5	3.1%	0.3	710	0.1	356	46.3	1.3	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.8	-1.6%	1.2	4,005	18.0	2,632	10.6	1.8	33.9%	18.1%
HSG	Thép	15.8	0.3%	1.5	305	12.4	1,767	8.9	1.1	10.3%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	108.0	0.9%	0.8	9,812	10.0	4,615	23.4	7.5	58.2%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	190.0	2.0%	0.8	5,298	0.5	6,328	30.0	6.6	63.1%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	61.9	6.7%	1.0	3,161	16.9	3,255	19.0	3.1	38.1%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	16.6	3.4%	0.8	422	5.0	619	26.7	1.3	5.6%	5.3%
ACV	Vận tải	63.5	-2.5%	0.8	6,010	1.1	3,450	18.4	3.8	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	104.0	-0.5%	1.1	2,369	1.6	3,480	29.9	3.6	17.5%	12.3%
HVN	Vận tải	26.7	-0.9%	1.7	1,643	0.5	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%
GMD	Vận tải	24.5	-0.8%	0.9	316	0.6	1,381	17.7	1.2	49.0%	6.8%
PVT	Vận tải	14.1	-1.7%	1.2	173	2.2	2,076	6.8	0.9	19.9%	13.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	77.0	-0.3%	1.0	520	1.6	8,104	9.5	3.6	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.0%	0.8	448	0.1	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.7	-0.6%	0.9	277	0.8	1,937	8.6	1.1	6.1%	13.5%
CTD	Xây dựng	60.5	-6.2%	1.1	201	7.5	8,453	7.2	0.6	46.7%	7.9%
CII	Xây dựng	19.2	1.1%	0.3	199	4.4	1,562	12.3	0.9	34.5%	7.6%
REE	Điện	41.4	-0.8%	-1.4	557	0.8	4,780	8.7	1.2	49.0%	14.8%
PC1	Điện	22.6	-0.9%	-0.4	156	0.4	2,176	10.4	1.0	14.7%	9.9%
POW	Điện	10.6	-1.9%	0.6	1,074	3.7	933	11.3	0.9	10.5%	8.1%
NT2	Điện	23.7	0.4%	0.6	296	0.2	2,685	8.8	1.5	19.0%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	14.8	-1.3%	0.8	302	1.9	1,156	12.8	0.7	18.8%	5.8%
BCM	Khu công nghiệp	40.3	0%	1.0	1,814	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8% #VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	61.90	6.72	1.31	6.44MLN
VCB	85.00	1.31	1.16	988270
GAS	74.10	2.21	0.87	2.29MLN
SAB	190.00	1.99	0.68	64920
VIC	92.50	0.76	0.68	381520

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
TCB	0.00	-0.60	12.16MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-0.43	14.75MLN	607060
VPB	0.00	-0.28	6.27MLN	373600
STB	0.00	-0.27	19.47MLN	192700
CTG	0.00	-0.21	8.36MLN	611640

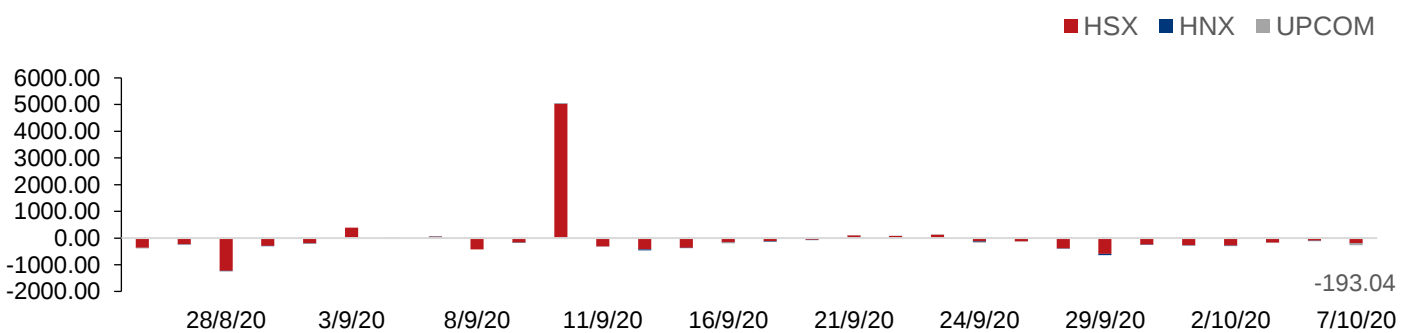
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTL	7.80	7.00	0.02	46890.00
DAT	32.15	6.99	0.03	4190
LAF	9.66	6.98	0.00	7370
HTN	26.85	6.97	0.02	444310
EMC	17.65	6.97	0.01	10

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PHC	10.35	-9.21	-0.01	220050
PTC	8.65	-6.99	0.00	50
ASG	43.35	-6.97	-0.06	18770.00
DTL	7.28	-6.91	-0.01	1130
TLD	12.85	-6.88	-0.01	1.04MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	107.6	8,348	12.9	3.4	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.8	885	9.9	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	45.1	5,512	8.2	1.6	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.6	1,944	12.7	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	27.8	2,632	10.6	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.6	3,024	8.8	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.8	4,126	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	46.6	9,998	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	61.9	3,255	19.0	3.1	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.4	4,670	9.1	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.8	1,767	8.9	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	44.4	5,479	8.1	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.3	2,103	13.0	2.3	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	27.8	2,632	10.6	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.8	3,103	7.0	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	61.1	4,629	13.2	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	107.1	4,105	26.1	9.2	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.4	658	17.3	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	22.9	1,721	13.3	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.7	7,583	3.4	1.4	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.8	5,224	5.5	1.3	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	54.9	4,739	11.6	2.3	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	85.0	4,915	17.3	3.5	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	23.4	2,884	8.1	1.6	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	45.1	5,512	8.2	1.6	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.6	5,872	10.0	2.7	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.4	4,280	11.8	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	24.5	1,381	17.7	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.8	1,156	12.8	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	190.0	6,328	30.0	6.6	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.6	1,944	12.7	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	108.0	4,615	23.4	7.5	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.4	1,407	8.8	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	107.6	8,348	12.9	3.4	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.3	2,088	9.7	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.0	5,044	20.8	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	14.1	2,076	6.8	0.9	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	61.1	4,629	13.2	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.1	4,313	7.9	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	210.4	14,782	14.2	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

